

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SCT-CN
V/v đăng tải xin ý kiến góp ý dự
thảo văn bản quy phạm pháp luật
của UBND tỉnh về Quy chế quản
lý cụm công nghiệp trên
địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Bắc Kạn, ngày tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Công Thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2020. Theo đó, Sở Công Thương được giao nhiệm vụ tham mưu dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Thực hiện nhiệm vụ trên, Sở Công Thương đã xây dựng xong dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Để thực hiện đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Công Thương đề nghị Công Thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn đăng tải để lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Trong đó, đề nghị tập trung đóng góp ý kiến vào các nội dung sau:

1. Sự cần thiết của việc Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;
2. Ý kiến đóng góp các nội dung khác.

Nội dung góp ý đề nghị gửi bằng văn bản về Sở Công Thương tỉnh Bắc Kạn, địa chỉ: Số 34, đường Trường Chinh, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn hoặc gửi bằng thư điện tử về hộp thư dungnv.ct@backan.gov.vn trước ngày **07/11/2020**.

Sở Công Thương mong nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện của quý cơ quan./.

(Gửi kèm theo dự thảo: Tờ trình, Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn)./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- GD, PGĐ sở (ô. Cường);

Gửi bản giấy:

- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, QLCN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Văn Cường

UBND TỈNH BẮC KẠN
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTr-SCT

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Chính phủ ban hành Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 về quản lý, phát triển cụm công nghiệp; Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Nghị định số 66/2020/NĐ-CP có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

Căn cứ khoản 11, Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP quy định như sau:

“Điều 42. Quyền hạn, trách nhiệm của ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Ban hành quy chế quản lý cụm công nghiệp, giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông...”

Căn cứ khoản Điều 43 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP quy định như sau:

“Điều 43. Quyền hạn, trách nhiệm của Sở Công Thương

Sở Công Thương là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn, ...”

Vì vậy, để các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp có liên quan thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về cụm công nghiệp phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, Sở Công Thương đề nghị UBND tỉnh Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích: Tuân thủ các quy định của các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Quan điểm chỉ đạo: Đảm bảo nguyên tắc phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và công tác quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng quản lý thực hiện theo quy định.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Ngày 18 tháng 6 năm 2020 Sở Công Thương có Văn bản số 636/SCT-CN về việc đề nghị xây dựng Văn bản QPPL của UBND tỉnh năm 2020 và được UBND tỉnh chấp thuận tại Quyết định số 1294/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2020.

2. Để xây dựng dự thảo Quyết định, Sở Công Thương đã ban hành Quyết định số 94/QĐ-SCT ngày 30 tháng 7 năm 2020 về việc thành lập tổ soạn thảo dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh về Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Quá trình soạn thảo đã tổ chức nghiên cứu các nội dung Văn bản, quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

3. Sau khi hoàn thành dự thảo, Sở Công Thương gửi Văn bản xin ý kiến các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị, doanh nghiệp có liên quan. Đồng thời đăng thông tin trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh Bắc Kạn, Cổng Thông tin điện tử Sở Công Thương Bắc Kạn để xin ý kiến đóng góp của cộng đồng. Các ý kiến tham gia được Sở Công Thương tiếp thu có chọn lọc và nghiên cứu, hoàn chỉnh nội dung dự thảo gửi Sở Tư pháp thẩm định.

4. Tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, hoàn thiện dự thảo trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Bố cục:

Dự thảo Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn gồm có 03 chương và 19 điều.

2. Nội dung cơ bản:

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

Điều 4. Phương thức phối hợp

Chương II: NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 5. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

Điều 6. Phương án phát triển cụm công nghiệp

Điều 7. Bổ sung, điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

Điều 8. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

Điều 9. Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Điều 11. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Điều 12. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

Điều 13. Tiếp nhận, triển khai dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

Điều 14. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

Điều 15. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, chế độ báo cáo về cụm công nghiệp

Điều 16. Công tác thanh tra, kiểm tra

Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm

Chương III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Điều 19. Tổ chức thực hiện

Trên đây là dự thảo Tờ trình Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Sở Công Thương trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Gửi kèm theo:

1. Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

2. Văn bản thẩm định của Sở Tư pháp;

3. Bản sao Văn bản góp ý của các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị, doanh nghiệp liên quan).

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như trên;
- GD, PGD Sở (ô. Cường);

Gửi bản giấy:

- UBND tỉnh;
- Lưu: VT, QLCN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Văn Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định, hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số... /TTr-SCT ngày .../.../2020 (Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số .../BC-STP ngày .../.../2020).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VPQPPL-Bộ Tư pháp;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CVP. các Phó VP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

DỰ THẢO**QUY CHẾ****Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn)**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về các nguyên tắc, phương thức, nội dung, trách nhiệm phối hợp giữa các sở, ban, ngành, UBND huyện, thành phố, UBND các xã, phường, thị trấn, đơn vị được giao quản lý cụm công nghiệp (sau đây gọi tắt là CCN), các đơn vị sự nghiệp công lập, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các đơn vị liên quan trong công tác quản lý nhà nước đối với CCN (giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo cơ chế một cửa) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Các nội dung về công tác quản lý nhà nước có liên quan đến cụm công nghiệp không quy định trong Quy chế này, được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND các huyện, thành phố (sau đây được gọi là UBND cấp huyện); UBND các xã, phường, thị trấn (sau đây được gọi là UBND cấp xã); các đơn vị được giao quản lý cụm công nghiệp; các đơn vị sự nghiệp công lập, các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong CCN; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác liên quan tới quản lý, hoạt động của CCN trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật trong quá trình phối hợp quản lý, phát triển CCN trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện cơ chế quản lý một đầu mối, tránh chồng chéo, gây phiền hà cho doanh nghiệp. Sở Công Thương là cơ quan tham mưu giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với CCN trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, đồng thời là cơ quan đầu mối liên hệ và chịu trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan đảm bảo đồng bộ, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với CCN, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình đầu tư sản xuất, kinh doanh trong CCN.

3. Công tác phối hợp phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan. Các cơ quan, đơn vị tham gia công tác phối hợp phải cử người có đủ năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu về thời gian, địa điểm, công việc phối hợp và chịu trách nhiệm về nội dung phối hợp mà cơ quan, đơn vị mình thực hiện.

4. Các doanh nghiệp trong CCN thực hiện đầu tư, triển khai dự án và hoạt động đúng theo quy định của pháp luật; đồng thời tuân thủ thực hiện theo nguyên tắc quản lý nhà nước trong CCN theo Quy chế này. Các kiến nghị, phản ánh của doanh nghiệp trong CCN gửi Sở Công Thương và các cơ quan chức năng phải được phối hợp trả lời đúng thời gian quy định.

5. Mỗi nội dung phối hợp quản lý phải xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.

Điều 4. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc, trong quá trình thực hiện sẽ do cơ quan chủ trì quyết định hoặc phối hợp nhiều cơ quan khác giải quyết.

1. Đối với cơ quan chủ trì

- Tổ chức cuộc họp tập trung để lấy ý kiến tham gia của các cơ quan phối hợp hoặc gửi văn bản xin ý kiến đến cơ quan phối hợp;

- Sau khi cơ quan chủ trì triển khai lấy ý kiến, hướng dẫn, xử lý, kết luận, kiến nghị liên quan đến CCN thì cơ quan chủ trì gửi cho Sở Công Thương 01 bản đề tổng hợp thông tin và phối hợp thực hiện;

2. Đối với cơ quan phối hợp

- Có trách nhiệm tham gia góp ý tại cuộc họp và chịu trách nhiệm về ý kiến góp ý của mình. Trường hợp cơ quan phối hợp không thể tham dự cuộc họp thì gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan chủ trì. Nếu không có ý kiến thì cơ quan phối hợp phải chấp hành nội dung kết luận của cuộc họp.

- Khi được hỏi ý kiến bằng văn bản, cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. Nếu quá thời hạn trên, cơ quan được hỏi ý kiến không có văn bản trả lời thì được xem như đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm xử lý nội dung công việc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 5. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương

a) Xây dựng, tổng hợp ý kiến về chương trình hỗ trợ: Giai đoạn chuẩn bị đầu tư thực hiện dự án, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN (bao gồm nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương

và địa phương) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định;

b) Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động phát triển CCN trên địa bàn tỉnh hằng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định;

c) Xây dựng và thực hiện các chương trình hợp tác, liên kết với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về phát triển CCN phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo vùng, lãnh thổ; tổ chức khảo sát, học tập kinh nghiệm các mô hình phát triển CCN trong nước và quốc tế;

d) Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong CCN về khuyến công, xúc tiến thương mại và tiết kiệm năng lượng.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Hướng dẫn quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công;

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đầu tư vào CCN; tổ chức xúc tiến đầu tư, thu hút các nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng CCN; tham mưu trình UBND tỉnh phân bổ kế hoạch vốn hỗ trợ đầu tư giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng CCN.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp thực hiện xác định đơn giá thuê đất, giá thu phí hạ tầng, phí bảo vệ môi trường tại các CCN trình cấp thẩm quyền ban hành theo đúng quy định;

b) Hướng dẫn chủ đầu tư trong việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển CCN; tổ chức thanh tra, kiểm tra, quyết toán đúng quy định;

c) Hướng dẫn và tổ chức công tác thẩm tra, kiểm tra quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án có sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

4. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan: Có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 6. Phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng phương án phát triển CCN thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn hành phương án phát triển CCN trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP; trình UBND tỉnh xin ý kiến Bộ Công Thương đối với phương án phát triển CCN.

b) UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan lập quy hoạch tỉnh xử lý, tích hợp phương án phát triển CCN vào quy hoạch tỉnh về phương án phát triển CCN tỉnh sau khi có ý kiến của Bộ Công Thương đối với phương án phát triển CCN, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Sau khi quy hoạch tỉnh được phê duyệt, Sở Công Thương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện phương án phát triển CCN, báo cáo UBND tỉnh phê duyệt đăng tải trên trang thông tin điện tử của UBND tỉnh, Sở Công Thương và UBND cấp huyện liên quan để các tổ chức, cá nhân liên quan biết, triển khai thực hiện.

b) Các sở, ngành, UBND cấp huyện, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 7. Bổ sung, điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp

1. Cơ sở điều chỉnh phương án phát triển CCN theo khoản 5, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Hồ sơ điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển CCN gồm:

a) Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển CCN;

b) Báo cáo điều chỉnh phương án phát triển CCN;

c) Các văn bản, tài liệu khác (nếu có).

3. Nội dung của báo cáo điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp thực hiện theo khoản 6, Điều 1, Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) UBND cấp huyện lập tờ trình UBND tỉnh kèm theo 8 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung vào phương án phát triển CCN (trong đó có 02 bộ hồ sơ gốc), gửi Sở Công Thương để chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định.

b) Sở Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan tổ chức thẩm định trình UBND tỉnh xem xét, xin ý kiến thoả thuận của Bộ Công Thương và phê duyệt theo quy định;

- Nội dung thẩm định gồm: Tính hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ và nội dung, tính khả thi của Báo cáo điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển CCN;

c) Sở Xây dựng: Phối hợp đánh giá sự phù hợp của việc điều chỉnh, bổ sung phương án phát triển CCN với quy hoạch xây dựng, đô thị.

d) Các sở, ban, ngành liên quan: Có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 8. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Điều kiện thành lập CCN thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

2. Điều kiện mở rộng CCN thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

3. Hồ sơ, trình tự thành lập, mở rộng CCN thực hiện theo quy định tại Điều 11, 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị:

a) UBND cấp huyện chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN lập 8 bộ hồ sơ thành lập, mở rộng CCN theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

b) Sở Công Thương:

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP. Báo cáo UBND tỉnh việc thành lập, mở rộng CCN;

- Thời gian thẩm định kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thành lập, mở rộng CCN thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

c) Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Có văn bản thống nhất với Bộ Công Thương nếu CNN thành lập, mở rộng có điều chỉnh diện tích lớn hơn 5 ha so với phương án phát triển CCN trong Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

- Thời gian quyết định thành lập hoặc không thành lập theo khoản 4 Điều 12 Nghị định số 68/2007/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 66/2020/NĐ-CP.

đ) Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp trong việc thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng CCN theo chức năng quản lý ngành.

Điều 9. Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Quy hoạch chi tiết xây dựng CCN thực hiện theo Điều 17, Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan, đơn vị tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng CCN trên địa bàn trước khi thu hút, di dời các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đầu tư vào trong CCN. Nội dung quy hoạch chi tiết phải phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng CCN, có bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường phù hợp với ngành nghề hoạt động của CCN và quy định về xử lý và xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật;

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan đề xuất vị trí quy hoạch quỹ đất ở phù hợp trên địa bàn để xây dựng nhà ở cho người lao động trong CCN, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

b) Sở Xây dựng:

- Hướng dẫn, kiểm tra công tác lập, thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết CCN và có ý kiến thống nhất bằng văn bản gửi UBND cấp huyện;

- Tham gia ý kiến về bố trí phân lô ngành nghề trong cụm công nghiệp.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường:

Tham gia ý kiến đối với hạ tầng kỹ thuật môi trường phù hợp với ngành nghề hoạt động của CCN và quy định về xử lý chất thải (rắn, lỏng, khí) và việc xả nước thải vào nguồn nước theo quy định của pháp luật. Cập nhật, bổ sung nhu cầu sử dụng đất theo đề xuất trong việc thành lập, mở rộng CCN.

d) Sở Công Thương:

- Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất ngành nghề trong CCN, sự phù hợp với quy hoạch ngành công nghiệp, phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng CCN và các nội dung khác có liên quan đến hoạt động của CCN.

đ) Các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

3. Kinh phí lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp được thực hiện theo Khoản 4 điều 17 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN:

a) Chịu trách nhiệm lập, thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN. Đối với CCN được quyết định thành lập, mở rộng theo thủ tục, quy định tại Nghị định số 68/2017/NĐ-CP thì dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

b) Thực hiện các nhiệm vụ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN được quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 15/2017/TT-BCT.

c) Thực hiện nghĩa vụ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP.

d) Báo cáo cơ quan thống kê trên địa bàn về tình hình đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN theo quy định của Luật Thống kê; đồng thời gửi Sở Công Thương 1 bản. Nội dung báo cáo gồm: Tiến độ đầu tư hạ tầng, vốn thực hiện, kết quả đầu tư của dự án, kết quả thu hút đầu tư vào CCN, nộp ngân sách, kết quả thụ hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước, lao động, bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

2. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng

và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị:

a) Sở Công Thương: Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan xem xét lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN; trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì kiểm tra, giám sát chủ đầu tư về thực hiện các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường CCN; kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

c) Sở Xây dựng: Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan tiếp nhận, thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật CCN.

d) Các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 11. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Khi lập dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN, chủ đầu tư tiến hành đồng thời lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

2. Nội dung, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phối hợp, tham gia thẩm định báo cáo ĐTM do Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì;

- Phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm, xác nhận hoàn thành việc thực hiện các công trình, biện pháp phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt trước khi dự án đi vào hoạt động chính thức;

- Chủ trì, phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong CCN về việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường, thực hiện các nội dung theo quyết định phê duyệt và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết được phê duyệt, đề án bảo vệ môi trường đơn giản được xác nhận;

- Hướng dẫn đơn vị đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN, các doanh nghiệp trong CCN hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và các quy định pháp luật về lĩnh vực môi trường.

b) Sở Công Thương: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư, các doanh nghiệp trong CCN về xây dựng, thực hiện các nội dung trong báo cáo ĐTM đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt;

c) UBND cấp huyện: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, kiểm tra, giám sát chủ đầu tư và các doanh nghiệp trong CCN về xây dựng, thực hiện các nội dung trong báo cáo ĐTM đã được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt;

d) Các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 12. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường: Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN theo quy định.

b) UBND cấp huyện: Chỉ đạo UBND cấp xã, cơ quan chuyên môn trực thuộc hỗ trợ thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư, nhà ở công nhân, thủ tục triển khai đầu tư vào CCN.

c) Các sở, ngành liên quan:

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Điều 13. Tiếp nhận, triển khai dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, các cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời vào CCN (*sau đây gọi là nhà đầu tư thứ cấp*) liên hệ với Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN để được hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào CCN và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

2. Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trong CCN: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN:

- Đối với CCN đã có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cung cấp, thỏa thuận nhà đầu tư thứ cấp về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê; giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN;

- Trường hợp cụm công nghiệp do Ban quản lý CCN cấp huyện hoặc Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo khoản 4 Điều 20 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017;

- Đối với CCN chưa có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Ủy ban nhân dân cấp huyện (phòng Kinh tế/phòng Kinh tế - Hạ tầng) hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, các cơ sở sản xuất có nhu cầu di dời vào CCN về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

b) Sở Công Thương

- Đầu mối tiếp nhận, giải quyết, đề nghị UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh trong CCN thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 36, Luật Đầu tư năm 2014 theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông;

- Tham gia ý kiến đối với các dự án sản xuất kinh doanh trong CCN không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 36 Luật Đầu tư năm 2014;

- Hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp;

- Báo cáo UBND tỉnh quyết định cho thuê lại hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung, giá cho thuê hoặc bán nhà xưởng, kho bãi, văn phòng và giá các loại dịch vụ công cộng, tiện ích khác đối với các cụm công nghiệp do Ban quản lý cụm công nghiệp cấp huyện hoặc Trung tâm phát triển cụm công nghiệp cấp huyện hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Công Thương làm Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật;

- Phối hợp với Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN hoặc UBND cấp huyện (phòng Kinh tế/phòng Kinh tế và Hạ tầng) để thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Đầu mối tiếp nhận, thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư các dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 36 Luật Đầu tư năm 2014 theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

d) UBND cấp huyện: Tham gia ý kiến thẩm định đối với dự án sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền.

đ) Các sở, ban, ngành liên quan: Có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 14. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Cung cấp dịch vụ công cộng, tiện ích

a) Đối với CCN có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN gồm: Bảo vệ, giữ gìn an ninh trật tự; thông tin liên lạc; cấp nước, thoát nước; vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, chất thải; phòng cháy, chữa cháy; duy tu, bảo dưỡng, khai thác các công trình hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ tiện ích khác.

b) Đối với các CCN chưa có Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Ủy ban nhân dân cấp huyện (*phòng Kinh tế/phòng Kinh tế và Hạ tầng*) hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư trong CCN tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích hiện có trên địa bàn theo quy định pháp luật.

2. Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 19 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương:

- Hướng dẫn xây dựng Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN;

- Theo dõi, quản lý việc thực hiện Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư trong CCN thực hiện các nội dung của điểm b, khoản 1, Điều này;

- Giám sát xây dựng và thực hiện giá dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN;

- Phối hợp hướng dẫn xây dựng và theo dõi thực hiện Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong CCN.

c) Các sở, ngành liên quan

Có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương trong việc hướng dẫn Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN xây dựng Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, chế độ báo cáo về cụm công nghiệp

1. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện theo Điều 26 Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017.

2. Chế độ báo cáo về CCN được thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017.

3. Các mẫu văn bản, quy chế quản lý về CCN thực hiện theo Điều 14 Thông tư số 15/2017/TT-BCT ngày 31/8/2017.

Điều 16. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Việc thực hiện thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện thường xuyên không quá một lần trong một năm trừ khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra thường xuyên phối hợp với Sở Công Thương, UBND cấp huyện và chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật CCN phải thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong CCN.

2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương thanh tra, kiểm tra, đánh giá thực hiện Phương án phát triển CCN, chính sách, pháp luật, hiệu quả hoạt động của CCN. Chủ trì đề xuất UBND tỉnh xử lý vi phạm theo quy định đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật CCN, sản xuất kinh doanh trong CCN hoạt động kém hiệu quả, không triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ, xin gia hạn nhiều lần, vi phạm pháp luật.

Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong tham gia triển khai thực hiện Quy chế này được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xem xét xử lý trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Trách nhiệm thi hành

Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 19. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy chế này; tổng hợp báo cáo UBND tỉnh định kỳ vào ngày 25 tháng 12 hằng năm.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan chuyên môn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**